

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 03/2020/TB-TA ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị H, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Tổ dân phố 6, phường TS Trầm, thị xã ST, thành phố HN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Thôn XA, xã MA, huyện LNg, tỉnh BG.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 4, Trại giam Ngọc Lý, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019 và tại bản tự khai nguyên đơn chị Kiều Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2008. Trước khi kết hôn chị và anh D có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Vợ chồng có đến

Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn Trầm, thành phố Sơn Tây, tỉnh Hà Tây (nay là phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội) đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình chị H tại Tổ dân phố 6, phường TS Trầm, thị xã ST, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không H nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt. Từ năm 2010, chị và anh D sống ly thân với nhau mỗi người một nơi, chị sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại tổ dân phố 6, phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội còn anh D sống tại thôn Ngọc Nương, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Từ khi sống ly thân đến nay chị và anh D không ai liên lạc quan tâm tới ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị Kiều Thị H và anh Nguyễn Văn D đều xác nhận vợ chồng không tài sản chung, không liên quan vay nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng canh tác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D tại Biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 3 năm 2020 trình bày:

Anh và chị Kiều Thị H kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Sơn Trầm, thành phố Sơn Tây, tỉnh Hà Tây (nay là phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội). Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không H, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh không liên lạc, hỏi thăm gì chị H vì anh thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh thấy vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Vợ chồng không tài sản chung, vợ chồng không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị H, anh D đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị H, anh D tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành

đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị H: Cho chị Kiều Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Kiều Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú tại thôn Ngọc Nương, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho chị H, anh D. Chị H, anh D cũng đã có lời khai trình bày với Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay chị H, anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh D.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2008 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn Trầm, thành phố Sơn Tây, tỉnh Hà Tây (nay là phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội), do vậy đây là hôn nhân H pháp.

Quá trình chung sống, chị H anh D có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân một thời gian dài đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Chị H anh D đều xác định không còn tình cảm với nhau, chị H đề nghị giải quyết ly hôn anh D đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H anh D mâu thuẫn là có thật, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị Kiều Thị H và anh Nguyễn Văn D không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Kiều Thị H và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị H: Cho chị Kiều Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0001095 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Văn Phẩm – Vũ Ngọc Côn

Nguyễn Đức Nhường